| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 – TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 5 - 2026
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa bà T và ông S

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Diệp Song Tiền

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Đinh Ngọc Minh

Bà Mai Thị Bỉ

***- Thư ký phiên tòa****:* Ông Nguyễn Thanh Mai - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1991 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 080191016392, cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021.

Địa chỉ: Số nhà C, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Số nhà C, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An).

-*Bị đơn:* Ông Bùi Đức Thanh S, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1991 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 080091016977, cấp ngày 06 tháng 9 năm 2021.

Địa chỉ: Số nhà C, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Số nhà C, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2026 và quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn trình bày:*

Bà và ông Bùi Đức Thanh S chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh), thời gian đầu chung sống hạnh phúc khoảng 6 năm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hòa hợp. Bà T cho rằng tình cảm vợ chồng

không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Bùi Đức Thanh S.

Trong quá trình chung sống hôn nhân giữa bà và ông Bùi Đức Thanh S có hai người con chung tên là Bùi Đức Thanh D, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2014 và Bùi Đức Thanh H, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2016. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên nêu trên. Khi khởi kiện bà T yêu cầu ông S cấp dưỡng cho bà nuôi dưỡng mỗi người con, mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Đến ngày 21 tháng 4 năm 2026, bà T có bản tự khai xác định: Bà yêu cầu ông S cấp dưỡng mỗi tháng cho bà nuôi dưỡng mỗi người con một tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Đồng thời, bà T xác định: Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01 tháng 4 năm 2026, ông Bùi Đức Thanh S xác định: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T, ông đồng ý cấp dưỡng cho bà T nuôi dưỡng hai người con, mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 02 năm 2026, người con chung có tên là Bùi Đức Thanh D xác định: Khi cha mẹ cháu là ông Bùi Đức Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T là ly hôn thì cháu có nguyện vong sống cùng với mẹ cháu là bà Nguyễn Thị Thanh T.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 02 năm 2026, người con chung có tên là Bùi Đức Thanh H xác định: Khi cha mẹ cháu là ông Bùi Đức Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T là ly hôn thì cháu có nguyện vong sống cùng với mẹ cháu là bà Nguyễn Thị Thanh T.

Quá trình tố tụng, ông Bùi Đức Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T và nơi cư trú của ông Bùi Đức Thanh S, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông ông Bùi Đức Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Bùi Đức Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông Bùi Đức Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T.

[3] Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Bùi Đức Thanh S đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Bùi Đức Thanh S nhưng ông S vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Việc ông S vắng mặt thể hiện ông S không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Bà T xác định bà không còn tình cảm với ông S, bà T giữ nguyên nguyện vọng yêu cầu ly hôn với ông Bùi Đức Thanh S. Đồng thời, ông S đồng ý ly hôn với bà T. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông S đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Bùi Đức Thanh S là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Bùi Đức Thanh S có hai người con chung tên là Bùi Đức Thanh D, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2014 và Bùi Đức Thanh H, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2016. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người hai con chung có tên nêu trên là phù hợp với nguyện vọng của người con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Khi khởi kiện bà T yêu cầu ông Bùi Đức Thanh S cấp dưỡng cho bà nuôi dưỡng mỗi người con, mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Đến ngày 21 tháng 4 năm 2025, bà T thay đổi mức cấp dưỡng: Bà T yêu cầu ông S cấp dưỡng mỗi tháng cho bà nuôi dưỡng mỗi người con là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Bà T thay đổi mức cấp dưỡng là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, ông Bùi Đức Thanh S đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của bà T. Do đó, Buộc ông Bùi Đức Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Nguyễn Thị Thanh T nuôi dưỡng hai người con chung có tên là Bùi Đức Thanh D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2014 và Bùi Đức Thanh H, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2016, mỗi người con, mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi mỗi người con chung có đủ mười tám tuổi.

Vì lợi ích của người con chung, khi có căn cứ thì bà T, ông S hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì bà T, ông S có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Về nợ chung và tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T xác định về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông Bùi Đức Thanh S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng ông Bùi Đức Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) vì có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc xin ly hôn với ông Bùi Đức Thanh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Bùi Đức Thanh S.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên là Bùi Đức Thanh D, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2014 và Bùi Đức Thanh H, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2016, hiện đang sống cùng với bà T.

Buộc ông Bùi Đức Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Nguyễn Thị Thanh T nuôi dưỡng hai người con chung có tên là Bùi Đức Thanh D, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2014 và Bùi Đức Thanh H, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2016, mỗi người con, mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi mỗi người con chung có đủ mười tám tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông Bùi Đức Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai người con chung có tên là Bùi Đức Thanh D, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2014 và Bùi Đức Thanh H, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2016, bà T cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Ông S thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của các người con chung, khi có căn cứ thì bà T, ông S hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì bà T, ông S có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Ông Bùi Đức Thanh S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003957 ngày 04 tháng 3 năm 2026 của cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh được trừ án phí sơ thẩm.

Ông Bùi Đức Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Bùi Đức Thanh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận**:**
- TAND tỉnh Tây Ninh (1b);
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh (2b);
- THA tỉnh Tây Ninh (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu HS (1b); Lưu VT (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Diệp Song Tiền**

TAND KHU VỰC 5
MNG080526.TL.QDBA
576